

Số: 1592/QĐ-UBND

Bến Tre, ngày 10 tháng 7 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Danh mục thủ tục hành chính cung cấp
dịch vụ công trực tuyến và chưa cung cấp dịch vụ công trực tuyến
trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử
trên địa bàn tỉnh Bến Tre**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính
phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành
chính; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ
sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4
năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong
giải quyết thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2022 của Chính
phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan
nhà nước trên môi trường mạng;*

*Căn cứ Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Chính
phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn
phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn
phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số
61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế
một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05 tháng 4 năm 2023 của Văn
phòng Chính phủ quy định một số nội dung và biện pháp thi hành trong số hóa hồ
sơ, kết quả giải quyết TTHC và thực hiện TTHC trên môi trường điện tử;*

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tại Tờ trình số 1123/TTr-VPUBND ngày 06 tháng 7 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính cung cấp dịch vụ công trực tuyến và chưa cung cấp dịch vụ công trực tuyến trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử trên địa bàn tỉnh Bến Tre, cụ thể:

1. Danh mục thủ tục hành chính cung cấp dịch vụ công trực tuyến trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử, gồm **1.542** thủ tục hành chính/dịch vụ công trực tuyến.

a) Cấp tỉnh: **1.249** thủ tục hành chính/dịch vụ công trực tuyến (**822** dịch vụ công trực tuyến toàn trình và **427** dịch vụ công trực tuyến một phần).

b) Cấp huyện: **213** thủ tục hành chính/dịch vụ công trực tuyến (**146** dịch vụ công trực tuyến toàn trình và **67** dịch vụ công trực tuyến một phần).

c) Cấp xã: **80** thủ tục hành chính/dịch vụ công trực tuyến (**68** dịch vụ công trực tuyến toàn trình và **12** dịch vụ công trực tuyến một phần).

2. Danh mục thủ tục hành chính chưa cung cấp dịch vụ công trực tuyến trong tiếp nhận, giải quyết TTHC trên môi trường điện tử (dịch vụ cung cấp thông tin trực tuyến), gồm **281** thủ tục hành chính.

a) Cấp tỉnh: **203** thủ tục hành chính.

b) Cấp huyện: **38** thủ tục hành chính.

c) Cấp xã: **40** thủ tục hành chính.

(Các Phụ lục kèm theo)

Điều 2. Các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn chịu trách nhiệm:

1. Căn cứ Danh mục thủ tục hành chính được phê duyệt tại Quyết định này, tổ chức triển khai thực hiện; đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền và đề ra giải pháp cụ thể để thực hiện hiệu quả việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến, đảm bảo số lượng giao dịch phát sinh đạt tỷ lệ theo quy định.

2. Trên cơ sở Quyết định công bố Danh mục thủ tục hành chính được ban hành, các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố chủ động

phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh rà soát, tham mưu đề xuất sửa đổi, bổ sung phù hợp quy định và yêu cầu thực tiễn nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh.

3. Sở Thông tin và Truyền thông phối hợp Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh theo dõi việc tổ chức triển khai thực hiện tại Quyết định này; đồng thời, phối hợp các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện rà soát, đánh giá, tái cấu trúc quy trình thủ tục hành chính và kiểm thử, tích hợp dịch vụ công trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia theo đúng quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 2717/QĐ-UBND ngày 24 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre về việc phê duyệt danh mục thủ tục hành chính cung cấp dịch vụ công trực tuyến và chưa cung cấp dịch vụ công trực tuyến trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử trên địa bàn tỉnh Bến Tre./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (để thực hiện);
- Cục Kiểm soát TTHC - VPCP;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Đài Phát thanh và Truyền hình;
- Báo Đồng Khởi;
- Các Phòng, Ban thuộc VP UBND tỉnh;
- Phòng: KSTT, KG-VX (theo dõi);
- Trung tâm: PVHCC, TTĐT;
- Cổng TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, NTCT.

CHỦ TỊCH



Trần Ngọc Tam

Phụ lục I
BẢNG TỔNG HỢP SỐ LƯỢNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CUNG CẤP
DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN VÀ CHƯA CUNG CẤP DỊCH VỤ CÔNG
TRỰC TUYẾN TRONG TIẾP NHẬN, GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH
CHÍNH TRÊN MÔI TRƯỜNG ĐIỆN TỬ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BẾN TRE

(Tính đến ngày 01/7/2024)

(Kèm theo Quyết định số 1592/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre)

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Số lượng TTHC	Mức độ dịch vụ công			Ghi chú
			DVCTT toàn trình	DVCTT một phần	Dịch vụ cung cấp thông tin trực tuyến	
A. CẤP TỈNH		1.452	822	427	203	
1	Ban Quản lý các khu công nghiệp	20	11	0	09	
2	Sở Công Thương	131	73	56	02	
3	Sở Giáo dục và Đào tạo	81	33	44	04	
4	Sở Giao thông vận tải	124	51	61	12	
5	Sở Khoa học và Công nghệ	55	52	01	02	
6	Sở Kế hoạch và Đầu tư	126	73	03	50	
7	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	134	116	02	16	
8	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	111	34	55	22	
9	Sở Nội vụ	88	38	43	07	
10	Sở Tài chính	11	07	0	04	
11	Sở Tài nguyên và Môi trường	96	13	52	31	
12	Sở Tư pháp	127	122	0	05	
13	Sở Thông tin và Truyền thông	39	37	0	02	
14	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	129	92	33	04	
15	Sở Y tế	107	20	67	20	
16	Sở Xây dựng	58	46	10	02	
17	Thanh tra tỉnh	09	0	0	09	
18	Văn phòng UBND tỉnh	06	04	0	02	

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Số lượng TTHC	Mức độ dịch vụ công			Ghi chú
			DVCTT toàn trình	DVCTT một phần	Dịch vụ cung cấp thông tin trực tuyến	
B. CẤP HUYỆN		251	146	67	38	
C. CẤP XÃ		120	68	12	40	
TỔNG (A)+(B)+(C)		1.823	1.036	506	281	